

Bản án số: 37/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 29/8/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH O, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bá Thắng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huy Trọng
Bà Nguyễn Thị Nguyệt;

Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 130/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ-HPT ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu T**, sinh năm 1990;

ĐKKHKT: Số 5A, phố Phở Doãn, phường T1, quận K1, Thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: SN 08 ngõ 69 Vân Đồn, phường D, quận M, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc K**, sinh năm 1989;

Trú tại: Thôn Thị Nguyên, xã D1, huyện Th O, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là chị Nguyễn Thu T trình bày:

Năm 2018, chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc K trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D1, huyện Th O, thành phố Hà Nội ngày 07/6/2018, tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau và có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 24/01/2020 và cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 26/5/2021. Cuộc sống hôn nhân được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống không đồng nhất nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ảnh hưởng đến cuộc sống của cả hai bên và các con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 24/01/2020 và Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 26/05/2021. Sau khi ly hôn, do điều kiện kinh tế nên chị xin nuôi cháu Nguyễn Ngọc B, để anh K nuôi cháu Nguyễn Quỳnh N, hai bên không phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung và các yêu cầu khác của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc K: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K nhưng anh đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Th O (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thu T.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ngọc K nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh K có hộ khẩu thường trú tại thôn Thị Nguyên, xã D1, huyện Th O, thành phố Hà Nội nên thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Ngọc K được xây dựng trên cơ sở tình cảm, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D1, huyện Th O, thành phố Hà Nội năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh K thường xuyên chửi chị, ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con. Hiện tại, các bên đã sống ly thân được 03 năm nay. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Căn cứ vào lời trình bày của chị T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh K là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T trình bày trong quá trình kết hôn, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 24/01/2020 và cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 26/5/2023. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Ngọc B, còn anh K nuôi cháu Nguyễn Quỳnh N và không yêu cầu cấp dưỡng.

Đối với việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đầy đủ mọi điều kiện tốt nhất cho con, đảm bảo cho con phát triển thuận lợi và ổn định tâm sinh lý cho con.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án xác minh, thu thập được, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định:

Chị T và anh K đều có mức thu nhập ổn định. Tuy nhiên, vì điều kiện kinh tế hiện nay, hai con vẫn còn nhỏ, để đảm bảo cho sự phát triển của các con và anh K cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, nên Tòa án giải quyết giao cháu B cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thu T, cho chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Ngọc K được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 26/5/2021 cho chị Nguyễn Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 24/01/2020 cho anh Nguyễn Ngọc K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu khác.

Chị T không yêu cầu đóng góp phí tổn nuôi con chung cho nhau, nên tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con cho các bên đương sự cho đến khi có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Ngọc K có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trường hợp cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0054195 ngày 30/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th O.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Th O;
- Chi cục THADS huyện Th O;
- Các bên đương sự;
- UBND xã D1;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thắng

